

Số: 08 /2020/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày 09 tháng 10 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương
cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 14 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019);

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;

Xét Tờ trình số 109/TTr-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Báo cáo thẩm tra số 61/BC-HĐND ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Nội dung chi, mức hỗ trợ đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát, tham quan học tập khuyến nông

1. Chi thù lao cho giảng viên, tiền ăn, phương tiện đi lại, phòng nghỉ cho giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên, hướng dẫn viên tham quan, thực hành áp dụng mức chi theo quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 3 Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Riêng chi thù lao cho trợ giảng, hướng dẫn viên tham quan, thực hành, hỗ trợ 300.000 đồng/người/buổi.

2. Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học; khảo sát, thực tế; thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập; vật tư thực hành lớp học; thuê phiên dịch và biên dịch (nếu có); nước uống giữa giờ; tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ; chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác). Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định liên quan.

3. Chi hỗ trợ cho các đối tượng quy định tại Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông

a) Đối tượng chuyển giao công nghệ hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); phụ cấp tiền ăn, phương tiện đi lại, phòng nghỉ theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí;

b) Đối tượng nhận chuyển giao công nghệ được hỗ trợ như sau:

Nông dân được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tiền ăn 150.000 đồng/người/ngày; đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, xã đảo, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên; phòng nghỉ hỗ trợ 200.000 đồng/người/ngày;

Chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); tiền ăn 75.000 đồng/người/ngày; đi lại là 100.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên; phòng nghỉ hỗ trợ 100.000 đồng/người/ngày;

Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo).

Điều 3. Nội dung chi, mức hỗ trợ thông tin, tuyên truyền cho hoạt động khuyến nông

1. Tuyên truyền qua hệ thống truyền thông đại chúng

a) Chi xây dựng bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông, nông nghiệp; xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt;

b) Chi nhuận bút (tin viết, bài viết, ảnh, clip,...) cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả thông tin được đăng trên trang thông tin điện tử khuyến nông và nông nghiệp, bản tin khuyến nông: 0,7 đơn vị/tin viết, từ 1,5 đến 2 đơn vị/bài viết dưới 5 trang A4, 2,5 đơn vị/bài viết từ 5 trang A4 trở lên, 0,2 đơn vị/ảnh minh họa, 1 đơn vị/ảnh bìa; 5 đơn vị/video clip thực hiện theo đặt hàng của Ban biên tập; Thù lao cho người sưu tầm, cung cấp thông tin: 0,2 đơn vị/tin viết, từ 0,2 đến 0,4 đơn vị/bài viết dưới 5 trang A4, 0,5 đơn vị/bài viết từ 5 trang A4 trở lên, video clip; Hỗ trợ cho Chịu trách nhiệm xuất bản, Ban Biên tập trang thông tin điện tử khuyến nông và nông nghiệp: 5 đơn vị/tháng đối với Chịu trách nhiệm xuất bản, Trưởng Ban biên tập; 4 đơn vị/tháng đối với Phó trưởng Ban Biên tập; 3 đơn vị/tháng đối với Biên tập viên, chuyên viên quản trị kỹ thuật (trong đó, đơn vị được tính bằng 10% mức lương cơ sở hiện hành).

2. Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội nghị, hội thảo, mức chi thực hiện theo Nghị quyết số 22/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về chế độ công tác phí, chế độ hội nghị và chế độ chi tiếp khách trên địa bàn tỉnh Cà Mau và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm Nông nghiệp cấp tỉnh, khu vực, quốc gia

Hỗ trợ 100% chi phí gồm các nội dung: thông tin, tuyên truyền, quảng bá giới thiệu hội chợ, triển lãm; thuê mặt bằng, dàn dựng, thiết kế, lắp đặt gian hàng; vận chuyển, mua, thuê, khấu hao mẫu vật, sản phẩm trưng bày; thuê hội trường, thiết bị, phương tiện, trang trí, nước uống, văn phòng phẩm; hoạt động Ban tổ chức; điện, nước, vệ sinh, an ninh, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ; chi phí quản lý và chi khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với đơn vị cung cấp có liên quan và theo đơn giá thực tế được cấp thẩm quyền phê duyệt.

4. Tổ chức, tham gia hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông

Hỗ trợ 100% chi phí gồm các nội dung: thông tin, tuyên truyền, giới thiệu hội thi; khảo sát, sơ tuyển; thuê hội trường, thiết bị, phương tiện, trang trí, nước uống, văn phòng phẩm; hoạt động Ban tổ chức; bồi dưỡng Ban giám khảo, Hội đồng tư vấn khoa học; biên soạn câu hỏi, đáp án; bồi dưỡng đạo diễn, biên tập, dàn dựng chương trình; hỗ trợ đội tuyển luyện tập và dự thi; điện, nước, vệ sinh, an ninh, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ; chi phí quản lý và chi khác. Mức chi thực

hiện theo hình thức hợp đồng với đơn vị cung cấp có liên quan và theo đơn giá thực tế được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Nội dung chi, mức hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất

1. Hỗ trợ 100% chi phí giống, thiết bị, vật tư thiết yếu đối với mô hình trình diễn ở địa bàn thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, xã đảo, địa bàn bị ảnh hưởng thiên tai, dịch hại, biến đổi khí hậu theo công bố của cấp có thẩm quyền, mức hỗ trợ không quá 400 triệu đồng/mô hình; 50% đối với địa bàn còn lại, mức hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/mô hình.

2. Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh.

3. Chi tập huấn kỹ thuật, thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập nhân rộng mô hình, sơ kết, tổng kết mô hình, mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 2, Điều 3 Nghị quyết này.

4. Hỗ trợ cho cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình tính bằng mức lương cơ sở/tháng nhân (x) thời gian thực tế theo tháng triển khai mô hình do cấp thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Nội dung chi, mức hỗ trợ tư vấn và dịch vụ khuyến nông

1. Tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn, mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết này.

2. Tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông, mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết này.

3. Tư vấn trực tiếp và các hoạt động dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 6. Nội dung chi, mức hỗ trợ hợp tác quốc tế về khuyến nông

1. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành, theo các hiệp định, nghị định thư hoặc thỏa thuận, hợp đồng chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân trong nước với các tổ chức, cá nhân nước ngoài.

2. Đón tiếp các đoàn khách nước ngoài vào làm việc: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ chi tiếp khách trong nước.

Điều 7. Nội dung chi, mức hỗ trợ khác

1. Thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông, đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông căn cứ vào nội dung yêu cầu công việc thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng và không quá 20.000.000 đồng/người/tháng. Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền xem xét, quyết định mức lương chuyên gia tư vấn cao hơn nhưng tối đa không quá 1,5 lần so với mức quy định này.

2. Mua bản quyền tác giả, công nghệ mới phù hợp để chuyển giao gắn với chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức chi theo hợp đồng hoặc thỏa thuận giữa các bên liên quan theo quy định pháp luật.

3. Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khuyến nông: Thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Quản lý nhiệm vụ khuyến nông

a) Cơ quan quản lý khuyến nông được trích tối đa 3% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để phục vụ công tác quản lý khuyến nông, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung và kinh phí trước khi thực hiện;

b) Tổ chức chủ trì và đơn vị triển khai thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông được trích tối đa 5% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để chi cho công tác tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán và chi khác. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.

5. Các khoản chi khác phục vụ hoạt động khuyến nông theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách địa phương, gồm:

a) Nguồn kinh phí bố trí cho chương trình, kế hoạch khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp;

b) Nguồn kinh phí lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, dự án khác để thực hiện mục tiêu của khuyến nông.

2. Ngoài nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương, khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động khuyến nông. Các tổ chức, cá nhân được áp dụng các quy định tại Nghị quyết này trong việc sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác khi thực hiện hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khuyến nông được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực và đang thực hiện thì tiếp tục thực hiện theo dự toán đã phê duyệt.

2. Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán, đơn vị chủ trì chương trình, dự án, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán theo quy định tại Nghị quyết này.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại các văn bản mới.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa IX, Kỳ họp thứ 14 (chuyên đề) thông qua ngày 09 tháng 10 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trần Văn Hiện